

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/DS - ST
Ngày: 30 - 9 - 2021
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sen.

Ông Tạ Văn Nhật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2021/TLST- DS ngày 13/7/2021 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản (Hợp đồng tín dụng) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T (S);

Địa chỉ: phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn T. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ T – Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Từ Liêm (theo Quyết định về việc ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020).

Ủy quyền tham gia tố tụng cho Ông Nguyễn Huy N. Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Từ Liêm (theo giấy ủy quyền số 12/2021/GUQQ-CNTL ngày 04/3/2021); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đào Việt D, sinh năm 1983. Địa chỉ: Cụm 1, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/7/2019, Ông Đào Việt D có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 135.875.969 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 109.849.000 đồng, thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ông D sử dụng thẻ từ tháng 8/2019 đến tháng 7/2020 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến tháng 8/2020 thì ngưng thanh toán.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông D và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn vào ngày 22/11/2020 (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 10/9/2021, ông D còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 35.870.654 đồng; lãi quá hạn: 13.616.544 đồng; tổng dư nợ: 49.487.198 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp nhưng ông D vẫn chưa trả nợ Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Đào Việt D phải trả nợ số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2021 gồm nợ gốc: 35.870.654 đồng; lãi quá hạn: 13.616.544 đồng; tổng dư nợ: 49.487.198 đồng và yêu cầu ông D phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 11/9/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Bị đơn là ông Đào Việt D trình bày: Xác nhận ngày 27/7/2019 ông có đề nghị Ngân hàng phát hành Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng. Trong quá trình sử dụng thẻ do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông chậm trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông trả nợ tạm tính đến ngày 10/9/2021 gồm nợ gốc: 35.870.654 đồng; lãi quá hạn: 13.616.544 đồng; tổng dư nợ: 49.487.198 đồng, ông nhất trí trả nợ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông Đào Việt D phải thanh toán khoản nợ của thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 10/9/2021 là 49.487.198 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc: 35.870.654 đồng, lãi quá hạn: 13.616.544 đồng, tổng dư nợ:

49.487.198 đồng. Ông D còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 11/9/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Ông Đào Việt D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã thực hiện đầy đủ qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao, niêm yết công khai văn bản tố tụng cho bị đơn để bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 463, 465 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, buộc ông Đào Việt D phải trả Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2021 là 49.487.198 đồng, trong đó số tiền nợ gốc: 35.870.654 đồng, lãi quá hạn: 13.616.544 đồng. Ông D còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh cho Ngân hàng từ ngày 11/9/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ông Đào Việt D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 27/7/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) và ông Đào Việt D giao kết với nhau Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, theo đó Ngân hàng cấp 01 thẻ tín dụng Sacombank Visa với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, để phục vụ mục đích tiêu dùng cá nhân của ông D. Quá trình thực hiện hợp đồng, do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện đối với ông D tại Tòa án làm phát sinh quan hệ tranh chấp dân sự. Ông Đào Việt D là bị đơn có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng và xác định quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là phù hợp với các quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng đối với ông Đào Việt D, do ông D vắng mặt nên không hòa giải được vụ án và Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay,

ông Đào Việt D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo qui định tại khoản 1 Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín và ông Đào Việt D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự, do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, kể từ tháng 8/2020 ông Đào Việt D không thực hiện trả nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên ký kết là vi phạm Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463, Điều 465 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đề nghị Tòa án buộc ông Đào Việt D phải thanh toán số nợ là có căn cứ và được chấp nhận.

[3] Về số tiền nợ gốc: Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), ký kết giữa ông Đào Việt D và đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, cùng với các bảng tóm tắt sao kê của thẻ tín dụng Sacombank Visa của ông Đào Việt D, xác định được tổng số tiền ông D đã giao dịch với Ngân hàng là 149.999.820 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22/7/2020 ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 135.875.969 đồng. Số tiền gốc tính đến nay ông D còn phải trả Ngân hàng là 35.870.654 đồng.

[4] Về tiền nợ lãi: Căn cứ qui định của Ngân hàng Nhà nước, các thông báo về việc thay đổi lãi suất và nguyên tắc tính lãi, phí thẻ tín dụng quốc tế Sacombank Visa, mức lãi suất áp dụng với thẻ quốc tế Visa Gold là 2.6%/tháng, do đó mức lãi suất quá hạn sẽ là 150% của các mức lãi suất nêu trên. Như vậy, số tiền lãi tạm tính đến ngày 10/9/2021 là 13.616.544 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn của thẻ tín dụng ông Đào Việt D phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín tính đến ngày 10/9/2021 gồm: Nợ gốc 35.870.654 đồng, nợ lãi 13.616.544 đồng, tổng số nợ là: 49.487.198 đồng.

Kể từ ngày 11/9/2021, ông Đào Việt D còn tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là ông Đào Việt D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín và ông Đào Việt D có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) đối với ông Đào Việt D.

Buộc ông Đào Việt D phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ của Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 24/7/2019 gồm: Số tiền nợ gốc 35.870.654 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 10/9/2021 là 13.616.544 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi ông Đào Việt D phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín là 49.487.198 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn một trăm chín mươi tám đồng).

2. Kể từ ngày 11/9/2021, ông Đào Việt D còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

3. Án phí: Ông Đào Việt D phải chịu 2.474.000 đồng (Hai triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002570 ngày 13/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Đào Việt D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyển